

AbSo-2V & AbSo-5V



Model: **AV5V13-610x610x292-10/00-40-P**

AV5V: Lọc V, 5V Rigid Bank

13: Cấp độ lọc H13 theo EN1822

610x610x292: Kích thước WxLxD mm

10/00: Gioăng mặt gió vào / không lưới

40-P: Diện tích vật liệu lọc m², Khung nhựa

Mã MGT: HV13PR5B400PG-610x610x292

ỨNG DỤNG

- Lọc khí Absolute hiệu suất cao, lưu lượng lớn
- Hệ thống thông gió phòng sạch
- Sử dụng trong các ngành: vi điện tử, thực phẩm, nhiếp ảnh, trung tâm dữ liệu, bệnh viện và sản xuất thiết bị y tế

Bộ lọc HEPA dạng V lưu lượng cao

Khung: Nhựa

Vật liệu lọc: Sợi thủy tinh

Loại gioăng: Polyurethane

Vị trí gioăng: Mặt gió vào

Giai đoạn lọc: III-IV

Hiệu suất hạt MPPS EN 1822:

E10 (≥85%), E11 (≥95%), E12 (≥99.5%),

H13 (≥99.95%), H14 (≥99.995%)

Nhiệt độ tối đa: 80°C

Độ ẩm tương đối: 100%

Chênh áp cuối: 600 Pa

Cấp độ chống cháy: K1/F1 theo tiêu chuẩn DIN53438

Model	Mã	Mã MGT	Kích thước WxLxD	Cấp lọc EN 1822	Số lượng V-Banks	Diện tích vật liệu lọc (m ²)	Lưu lượng (m ³ /h)	Chênh áp ban đầu (Pa)	Trọng lượng (kg)
AV2V13-305x610x292-10/00-20-P	171001M	HV13PR2B200PG	305x610x292	H13	2V	20	2000	270	11
AV5V13-610x610x292-10/00-40-P	171002M	HV13PR5B400PG	610x610x292	H13	5V	40	4000	270	20
AV2V13-287x592x292-10/00-20-P	171003M	HV13PR2B200PG	287x592x292	H13	2V	20	2000	270	11
AV5V13-592x592x292-10/00-40-P	171004M	HV13PR5B400PG	592x592x292	H13	5V	40	4000	270	20
AV2V14-305x610x292-10/00-20-P	171005M	HV14PR2B200PG	305x610x292	H14	2V	20	1700	280	11
AV5V14-610x610x292-10/00-40-P	171006M	HV14PR5B400PG	610x610x292	H14	5V	40	3400	280	20
AV2V14-287x592x292-10/00-20-P	171007M	HV14PR2B200PG	287x592x292	H14	2V	20	1700	280	11
AV5V14-592x592x292-10/00-40-P	171008M	HV14PR5B400PG	592x592x292	H14	5V	40	3400	280	20
AV2V10-305x610x292-10/00-20-P	171051M	HV10PR2B200PG	305x610x292	E10	2V	20	2700	250	11
AV5V10-610x610x292-10/00-40-P	171052M	HV10PR5B400PG	610x610x292	E10	5V	40	5400	250	20
AV2V10-287x592x292-10/00-20-P	171053M	HV10PR2B200PG	287x592x292	E10	2V	20	2700	250	11
AV5V10-592x592x292-10/00-40-P	171054M	HV10PR5B400PG	592x592x292	E10	5V	40	5400	250	20
AV2V11-305x610x292-10/00-20-P	171055M	HV11PR2B200PG	305x610x292	E11	2V	20	2500	250	11
AV5V11-610x610x292-10/00-40-P	171056M	HV11PR5B400PG	610x610x292	E11	5V	40	5000	250	20
AV2V11-287x592x292-10/00-20-P	171057M	HV11PR2B200PG	287x592x292	E11	2V	20	2500	250	11
AV5V11-592x592x292-10/00-40-P	171058M	HV11PR5B400PG	592x592x292	E11	5V	40	5000	250	20
AV2V12-305x610x292-10/00-20-P	171059M	HV12PR2B200PG	305x610x292	E12	2V	20	2000	250	11
AV5V12-610x610x292-10/00-40-P	171060M	HV12PR5B400PG	610x610x292	E12	5V	40	4000	250	20
AV2V12-287x592x292-10/00-20-P	171061M	HV12PR2B200PG	287x592x292	E12	2V	20	2000	250	11
AV5V12-592x592x292-10/00-40-P	171062M	HV12PR5B400PG	592x592x292	E12	5V	40	4000	250	20

Tùy chọn khác theo yêu cầu:

Khung: Trắng, Đen

Vật liệu lọc: Chịu nhiệt cao (Tối đa 120°C)

Lưới bảo vệ: Không, Mặt gió ra, Cả hai mặt

Loại gioăng: Không, Cao su, EPDM, Chịu nhiệt cao

Vị trí gioăng: Không, Mặt gió ra, Cả hai mặt

Chứng nhận ATEX: cho bộ lọc không khí phù hợp cho khu vực có nguy cơ cháy nổ vùng 1, 2, 21 và 22.

Chứng nhận vệ sinh: Lọc HEPA | VDI 6022 Blatt 1:2018, DIN 1946-4:2018, ISO 846:2019 Plastics, BS EN 17141:2020.

Vật liệu tuân thủ tiếp xúc thực phẩm: Lọc HEPA | (EC) No 1935/2004, (EC) No 2002/72, (EU) No 10/2011, (EU) No 2020/1245, U.S. FDA-Determining the Regulatory Status of Components of a Food Contact Material.

MADE IN TURKEY

Manufacturer: MGT